TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18-01-2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Hiệp;

Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 216/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 366/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phú C, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Triệu Phương C1, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 16 tháng 11 năm 2023, nguyên đơn ông Nguyễn Phú C trình bày:

Ông Nguyễn Phú C và bà Huỳnh Triệu Phương C1 cưới nhau năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận

kết hôn số 47 ngày 01/03/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2021 thì thường phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau dẫn đến hôn nhân không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ năm 2021 đến nay. Nay ông C yêu cầu ly hôn với bà C1. Về con chung: Không có. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn bà Huỳnh Triệu Phương C1:* Toà án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, nhưng bà Huỳnh Triệu Phương C1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Toà án.

- *Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử ông C được ly hôn với bà C1. Về con chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét và đề nghị tuyên về án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Phú C và bà Huỳnh Triệu Phương C1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Ông C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà C1 vắng mặt, không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông C và bà C1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Triệu Phương C1 và ông Nguyễn Phú C tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 01/3/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng nên quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Triệu Phương C1 và ông Nguyễn Phú C là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Phú C: Theo đơn khởi kiện, ông C xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và cương quyết yêu cầu được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, ông C và bà C1 đã không còn chung sống với nhau từ năm 2021 đến nay do bất đồng ý kiến, không hàn gắn được. Do đó có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa ông C và bà C1 đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông C là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông C và bà C1 không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Phú C đối với bị đơn bà Huỳnh Triệu Phương C1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Phú C được ly hôn với bà Huỳnh Triệu Phương C1.

2. Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét**.**

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Phú C và bà Huỳnh Triệu Phương C1 không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Phú C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu Tạm ứng án phí, Lệ phí Toà án số 0000104 ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Ông Nguyễn Phú C đã nộp xong.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

7. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- UBND xã Đại Tâm
(Theo GCNKH số 1701 ngày 16/11/2023);
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Mến